

Bản án số: 157/2023/HS-ST

Ngày: 17-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Lang
2. Bà Trần Thị Như Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đủ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 139/2023/HSST ngày 27/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1468/2023/QĐXXST-HS ngày 04/4/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Kim B**; Giới tính: nữ; Sinh ngày: 09/9/1973, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 37/35 A, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hứa E (chết) và bà Phạm Thị F, sinh năm 1948; có cG và 03, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2022 (có mặt).

- Bị hại: Bà Hà Thị Kim F, sinh năm: 1972.

Người đại diện ủy quyền: Bà Hà Thị Ánh G, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 38/10/18J H, phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan G G, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 152/50D K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2006, Phạm Kim B và Phan G G chung sống với nhau như vợ cG nhưng không có đăng ký kết hôn và thuê nhà địa chỉ số 551/34G/4 Phạm Văn

Chí, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống. Do không có việc làm ổn định, cần tiền để trả nợ và tiêu xài, B nhờ bà Huỳnh Phụng Minh (địa chỉ 141 B1, Lầu 1, Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 5) giới thiệu người cho B vay tiền để tiêu xài và trả nợ. B tự đánh máy nội dung giả các hợp đồng mua bán nhà, đất, giả chữ ký của người bán rồi đem photocopy để đưa người cho vay tiền xem, tin tưởng cho B vay tiền. Bà Minh giới thiệu B vay tiền của bà Hà Thị Kim F với lãi suất 5%/tháng, bà Minh được hưởng 10% trên số lần vay tiền. B vay của bà F 03 lần, với thủ đoạn cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 17/4/2009, B cùng bà Minh đến gặp bà F và bà Hà Thị O (chị ruột bà F) tại quán cà phê góc đường H và Trần Khánh Dư, phường I, Quận 1. B đưa cho bà F xem bản hợp đồng viết tay mua căn nhà địa chỉ số 551/34G/4 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Trần Ngọc Pghi ngày 03/02/2008 với giá 75 lượng vàng do B tự làm giả chữ ký của bà P (bản photocopy), B nói với bà F cần vay số tiền 50 triệu đồng để trả tiền mua nhà, sau này vay được tiền ngân hàng sẽ trả. Bà F tin tưởng cho B vay 2.500USD, B viết giấy nhận nợ hẹn 60 ngày sau sẽ trả kèm theo bản hợp đồng giả mua bán nhà giữa B và bà P. Sau khi nhận tiền, B cùng bà F đi ra tiệm vàng đổi được 45 triệu đồng, B trả lãi cho bà F 01 tháng và đưa cho bà Minh tiền hoa G 4,5 triệu đồng.

Lần 2: Ngày 17/5/2009, B và Phan G G cùng bà Minh đến gặp bà F tại quán cà phê tại bờ kè đường Hoàng Sa, phường I, Quận 1. B nói dối với bà F là gia đình cG đang gửi ngân hàng 03 tỷ đồng, ba cG của B (cha của G) có vợ bé nên cG B (G) kiện đòi chia tài sản, hiện cần tiền lo thủ tục với ngân hàng để rút tiền. Bà F tin tưởng cho B vay 2.000 USD, B viết giấy nhận nợ ghi gộp luôn số tiền vay lần trước, tổng cộng là 4.500 USD thời hạn vay là 10 ngày. B và G cùng ký giấy vay tiền.

Lần 3: Ngày 01/6/2009, B và G cùng bà Minh đến gặp bà F tại quán cà phê góc đường H và Trần Khánh Dư, Quận 1. B đưa cho bà F xem hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 505 tờ bản đồ số 45 phường Tân Tạo, quận B Tân của ông Phạm Thanh Vọng và bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng, người bán là ông Phạm Thanh Vọng, G ký tên người mua đặt cọc 650 triệu đồng do B làm giả (bản photocopy), tự ký tên bên bán ghi ngày 20/5/2009. B nói với bà F cần vay thêm tiền để lo thủ tục vay vốn ngân hàng, nếu vay được tiền từ ngân hàng sẽ trả tiền mua đất và trả hết nợ cho bà F. B nói đã cung cấp số điện thoại của bà F cho nhân viên ngân hàng để họ gọi xác nhận việc đang làm thủ tục rút tiền rồi B đi vào nhà vệ sinh, giả làm nhân viên ngân hàng gọi điện thoại cho bà F. Bà F tin tưởng tiếp tục cho B vay 3.000 USD. B và G viết và ký giấy nhận nợ, hẹn 10 ngày trả.

Đến ngày hẹn trả nợ, B và G bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 7.500 USD. Ngày 05/02/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Kim B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do bị can B bỏ trốn nên ngày 25/3/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 ra Quyết định tạm đình

chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với Phạm Kim B. Trong thời gian trốn truy nã, B thuê nhà trọ sống ở nhiều nơi, giấu thông tin bị truy nã với các chủ nhà trọ. Ngày 18/4/2022, Công an Quận 1 bắt truy nã Phạm Kim B tại căn hộ B2-05 chung cư Prosper Plaza, 22/14 Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 1 và Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo Công văn số 6992/HCM-TH ngày 27/6/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tỷ giá giao dịch 7.500USD quy đổi ra VND tại thời điểm năm 2009 là 133.396.500 đồng.

Về phần dân sự: Bà Hà Thị Kim F đang định cư tại Hoa Kỳ ủy quyền cho bà Hà Thị Ánh G yêu cầu B hoàn trả số tiền 7.500 USD đã chiếm đoạt. B chưa trả số tiền trên cho bà F.

Tại bản Cáo trạng số 568/CT-VKS-P2 ngày 10/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Kim B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng ý với yêu cầu của phía bị hại là hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt là 7.500USD trong hạn 30/6/2013, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Hà Thị Kim F ủy quyền cho bà Hà Thị Ánh G trình bày: Yêu cầu bị cáo Phạm Kim B hoàn trả lại cho bà F số tiền đã vay trước đó là 7.500USD, bà F không yêu cầu trả lãi. Bà đồng ý để ông Phan G G cùng trả số tiền trên cùng bị cáo Phạm Kim B trả trong hạn 30/6/2013.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, ông Phan G G trình bày: Ông công nhận có cùng bị cáo B ký vào giấy vay tiền của bà Hà Thị Kim F, nhưng toàn bộ số tiền vay mượn được bị cáo B sử dụng, ông không sử dụng. Tuy nhiên, nay bị cáo B đang bị giam nên ông đồng ý cùng bị cáo có trách nhiệm trả số tiền 7.500USD cho bà F, cụ thể trả như sau: ngày 17/4/2023 trả 25.000.000 đồng, số tiền còn lại trả trong hạn 30/6/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Kim B từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Phạm Kim B bồi thường cho bị hại Hà Thị Ánh G số tiền 7.500USD tính theo giá trị quy đổi ngoại tệ tại thời điểm thanh toán.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 không khởi tố bị can đối với Phan G G cùng đồng phạm với Phạm Kim B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mặc dù G có ký vào các hợp đồng giả mua bán nhà đất và ký vào giấy vay tiền của bà F là có thiếu sót, nhưng do đến nay đã trên 12 năm, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không khởi tố điều tra là có căn cứ.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Kim B tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Do không có tiền tiêu xài, Phạm Kim B đã làm giả các hợp đồng mua bán nhà, đất rồi đưa các bản sao (bản photocopy) để bà Hà Thị Kim F tin tưởng cho vay tiền. Từ ngày 17/4/2009 đến ngày 01/6/2009, B đã vay của bà F 7.500 USD (theo Công văn số 6992/HCM-TH ngày 27/6/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tỷ giá giao dịch 7.500 USD qui đổi ra VND tại thời điểm năm 2009 là 133.396.500 đồng), sau chiếm đoạt được số tiền trên B đã bỏ trốn cho đến khi bị bắt do truy nã.

Hành vi của bị cáo Phạm Kim B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm. Xét thấy tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” qui định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, mức hình phạt cao nhất qui định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là tử hình, còn mức hình phạt cao nhất tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chung thân. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để truy tố và xét xử đối với bị cáo Phạm Kim B là phù hợp, có lợi cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo Phạm Kim B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện Kiểm sát

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Phạm Kim B là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật trừng phạt, nhưng đã bất chấp hậu quả, nên cần có mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Kim B phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về bồi thường dân sự: Bà Hà Thị Kim F có bà Hà Thị Ánh G đại diện ủy quyền yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 7.500 USD đã chiếm đoạt trả trong hạn 30/6/2023. Bị cáo B chấp nhận theo yêu cầu của phía bị hại. Ngoài ra, ông Phan G G cũng đồng ý tự nguyện cùng với bị cáo Phạm Kim B bồi thường số tiền trên cho bị hại. Xét thỏa thuận của bị cáo và các đương sự là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Huỳnh Phụng Minh giới thiệu cho Phạm Kim B vay tiền để được hưởng hoa G, không biết B sử dụng giấy tờ giả nên không đủ căn cứ để xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Kim B** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2022.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Kim B và ông Phan G G có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Hà Thị Kim F số tiền là 7.500 USD, cụ thể: Phạm Kim B bồi thường 3.750USD, Phan G G bồi thường 3.750USD, quy ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm thanh toán. Thời hạn thanh toán trước ngày 30/6/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Kim B và ông Phan G G chưa thi hành khoản tiền như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm thi hành án quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bị cáo Phạm Kim B phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 8.792.625 (tám triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng.

Bị cáo và các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TAND tối cao; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Đương sự; | (2) |
| - Cục THA Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ | (25) |
| | (11) |

Phạm Uyên Thy

